

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 10-01-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Lê Hồng Nước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 324/2022/TLPT- DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 84/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2022/QĐPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị Kim T, sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (chị Mai Thị Kim T là Chủ hộ kinh doanh)

2. ***Bị đơn:***

2.1. Ông Đặng Việt C, sinh năm 1967; (Có mặt)

2.2. Bà Trần Thị Bích Th; sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho bà Trần Thị Bích Th là ông Dương Hoàng V, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: xã Nhị M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Khóm 4, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022).

3. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Bích Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Mai Thị Kim T trình bày:*

Chị và ông Đặng Việt C có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi do chị là chủ hộ kinh doanh. Đến ngày 01/01/2021 sau khi hai bên đối chiếu lại ông C còn nợ tiền mua thức ăn là 227.050.000đồng. Sau đó, từ ngày 02/01/2021 đến ngày 05/4/2021 ông C mua thêm thức ăn với số tiền là 443.500.000đồng. Ngày 15/4/2021 ông C có trả cho chị số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng. Đến ngày 12/5/2021 giữa chị cùng ông C có lập biên bản đối chiếu công nợ, ông C có ký tên xác nhận nội dung còn nợ chị số tiền 570.550.000đồng và ông cam kết sẽ trả nợ trong vòng 03 đợt từ ngày 12/6/2021 đến hết ngày 12/8/2021, tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn cam kết trả nợ nhưng vợ chồng ông C chưa trả số tiền nợ trên cho chị.

Tại phiên tòa, chị trình bày chị và ông C không quen biết trước, chị chỉ biết và đồng ý cùng ông C trực tiếp giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá thông qua người quen giới thiệu. Chị không hề biết thông tin ông C hùn vốn làm ăn với ai cả. Tuy chị không giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán với bà Th (vợ ông C), nhưng khi giao hàng nhân viên của chị có đến nhà ông C để giao, việc đối chiếu công nợ vào ngày 12/5/2021, ông C tự tay ký vào biên bản đối chiếu công nợ tại nhà riêng của vợ chồng ông C, bà Th. Chị xác định việc ông C mua thức ăn nuôi cá là để phục vụ cho việc sinh hoạt tạo nguồn thu nhập để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc này vợ ông C là bà Th biết rõ. Vì từ khi ông C mua thức ăn nuôi cá của chị, vợ chồng ông C, bà Th chỉ làm nghề nuôi cá, chứ không có công việc gì khác. Chị cho rằng, tuy bà Th không trực tiếp giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá với chị và bà Th cũng không ký xác nhận công nợ với chị, nhưng nghĩa vụ trả nợ mua thức ăn nuôi cá này là nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Nay chị yêu cầu vợ chồng ông C, bà Th có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị số tiền nợ gốc trong hợp đồng mua bán thức ăn là 570.550.000đồng và tiền lãi tính từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với thời hạn là 16 tháng, lãi suất 0,83%/ tháng là 75.769.000đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 646.319.000đồng. Ngoài ra chị còn yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi các bị đơn trả hết nợ cho chị. Chị không tranh chấp các vấn đề khác trong hợp đồng mua bán này.

- Bị đơn trình bày:

+ Ông Đặng Việt C trình bày: Ông thừa nhận có nợ số tiền 570.550.000 đồng mua bán thức ăn chăn nuôi cá như chị T yêu cầu và ông cũng đồng ý cùng bà Th trả nợ cho chị T số tiền trên. Tuy nhiên, do bận công việc gia đình nên bà Th là vợ ông không đến Tòa án được.

Tại phiên tòa ông đồng ý trả số tiền nợ gốc theo yêu cầu của chị T, và đề nghị chị T giảm bớt toàn bộ tiền lãi, ông cho rằng đây là khoản nợ riêng của bản thân ông, vì vợ ông là bà Th hoàn toàn không biết việc này, vì bà Th chỉ làm nội trợ sống nhờ sự hỗ trợ tài chính từ con chung của vợ chồng ông chứ không quan tâm đến việc làm ăn của ông. Ông xác định ông và bà Th là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, hiện nay vẫn còn chung sống và ông cùng bà Th không có thỏa thuận gì về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo luật định.

Ông C trình bày trước năm 2018, bà Th làm nội trợ, ông làm nghề lái xe tạo thu nhập cho gia đình. Từ năm 2018 đến nay, ông chuyển sang nuôi cá, do ông nuôi cá thua lỗ nên đã không đóng góp gì cho gia đình, nhưng nếu nuôi cá có lời thì ông sẽ đóng góp vào thu nhập gia đình vì ông nuôi cá là để kiếm thêm thu nhập. Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc cho chị T, còn tiền lãi ông không có khả năng trả do làm ăn thất bại, việc trả nợ chỉ cá nhân mình ông trả, ông không đồng ý theo yêu cầu của chị T yêu cầu bà Th cùng liên đới trả nợ, vì đây là nghĩa vụ riêng của ông.

+ Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị Bích Th trình bày:

Bà Th, ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện nay vẫn đang sống chung. Bà Th, ông C không có thỏa thuận gì về tài sản trong thời kỳ hôn nhân và bà Th cũng không tham gia ký kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi cá với chị T, không có ký tên vào biên bản xác nhận công nợ ngày 12/5/2021, nên bà Th không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông C. Việc ông C nuôi cá là tự ý hùn hạp với bạn bè, ông cũng không đóng góp gì vào thu nhập của gia đình nên nghĩa vụ trả nợ không phải là nghĩa vụ chung của vợ chồng, do đó bà Th không đồng ý yêu cầu của chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Kim T.

Buộc ông Đặng Việt C và bà Trần Thị Bích Th có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Mai thị Kim T số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả trong hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền tổng cộng là 646.319.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Việt C và bà Trần Thị Bích Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.853.000đồng. Ông C và bà Th chưa nộp.

Chị Mai Thị Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.169.000đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008536, ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2022 bà Trần Thị Bích Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà không đồng ý liên đới cùng với ông C trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Bích Th vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Bích Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bích Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận mua bán thức ăn giữa bà T và ông C được ghi nhận tại nội dung cam kết trả nợ do ông C viết và ký tên vào ngày 12/5/2021, trong nội dung thỏa thuận trả nợ, ông C đồng ý trả nợ trong vòng thời gian là 03 đợt, bắt đầu trả từ 12/6/2021 đến thời hạn cuối cùng vào ngày 12/8/2021. Nhưng cho đến nay ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị T. Nay chị T yêu cầu ông C, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định.

[2] Ông C, bà Th là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn, theo ông C, bà Th trình bày giữa vợ chồng không có thỏa thuận gì về tài sản chung. Tuy nhiên, khi ông C giao kết hợp đồng mua bán tài sản với chị T, mục đích là để có nguồn thu nhập phục vụ cho lợi ích kinh tế trong gia đình của ông, việc bà Th cho rằng bà không biết gì về việc ông C giao kết thực hiện hợp đồng mua bán với chị T và việc ông C chăn nuôi thủy sản là do ông C tự ý hùn vốn với bạn bè, không bàn bạc với bà và ông C cũng không mang tiền về phục vụ cho gia đình, việc nại ra của bà Th cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, nên án sơ thẩm buộc bà phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1....

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình;

3.....

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

...”

Theo quy định trên, án sơ thẩm buộc vợ chồng ông C, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bà Th phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Bích Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117; Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

khoản 2, Điều 27; khoản 4, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Bích Th.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 84/2022/DSST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L.
3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Kim T.

Buộc ông Đặng Việt C và bà Trần Thị Bích Th có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Kim T số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả trong hợp đồng mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền tổng cộng là 646.319.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Việt C và bà Trần Thị Bích Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.853.000 đồng. Ông C và bà Th chưa nộp.

Chị Mai Thị Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.169.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008536, ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Bích Th phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0013644, ngày 27/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (bà Th đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội